TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/DS-PT
Ngày: 03/02/2026
V/v "Tranh chấp đòi nhà, đất cho ở nhờ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Thẩm phán: bà Hoàng Thị Hòa, bà Bùi Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: bà Giáp Thị Bích Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên: ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2025 về "*Tranh chấp đòi nhà, đất cho ở nhờ"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2025/QĐ-PT ngày 08/12/2025; các Quyết định Hoãn phiên tòa phúc thẩm số 02/2026/QĐ-PTngày 06/01/2025, số 06/2026/QĐ-PT ngày 23/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Bùi Thị H, sinh năm: 1973; nơi thường trú: bản G, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã M, tỉnh Điện Biên); chỗ ở hiện nay: tổ dân phố Y, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là phường Đ, tỉnh Điện Biên).

2. Bị đơn: ông Bùi Quang H, sinh năm: 1967; nơi thường trú: tổ dân phố Z, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là phường Đ, tỉnh Điện Biên); chỗ ở hiện nay: tổ dân phố Y, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là phường Đ, tỉnh Điện Biên).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Dương Thị Thanh T, sinh năm: 2005; nơi thường trú: bản G, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã M, tỉnh Điện Biên); chỗ ở hiện nay: tổ dân phố Y, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là phường Đ, tỉnh Điện Biên)

*** Người kháng cáo:** ông Bùi Quang H - là Bị đơn trong vụ án.

(Bà H có mặt; ông H, chị T vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:

Bà Bùi Thị H là em gái ruột của ông Bùi Quang H, bà H có mảnh đất rộng 165m^2 thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ 28, diện tích 165m^2 tại địa chỉ: tổ Y, phường H, thành phố Đ (nay là phường Đ), tỉnh Điện Biên; nguồn gốc thửa đất là do bà H nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Trần Mạnh H0 và bà Lò Thị T theo Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 22/3/2017. Quá trình thỏa thuận mua đất, trả tiền cho ông bà H0 -T đều do anh trai bà H là ông Bùi Quang H đứng ra thực hiện vì trước đó ông H đã tuyên bố cho bà H 300.000.000 đồng để mua đất xây nhà, ông H sẽ đứng ra làm nhà cho bà H, đến khi xong nhà bà H chỉ việc vào ở. Việc ông H nói cho bà H tiền mua đất, xây nhà có chị Dương Thị Thanh T (con gái bà H) và bà con lối xóm đều biết. Việc tặng cho tiền giữa hai bên không làm văn bản, giấy tờ vì là anh em ruột trong gia đình, mặt khác tiền ông H cho bà H cũng xuất phát từ tiền bán đất của bố mẹ đã chết để lại cho các con mà có, ông H bán được hơn năm tỷ nên cho bà H 300.000.000 đồng. Tại thời điểm ông H nói cho bà H tiền để mua đất làm nhà, hai bên cũng không có thỏa thuận nào về điều kiện tặng cho. Thực tế, ông H không đưa 300.000.000 đồng cho bà H mà tự tìm mua đất và giao dịch với chủ đất, sau khi giao dịch xong thì ông H chở bà H đi làm thủ tục chuyển nhượng đất tại Văn phòng Công chứng. Do nhất trí nên bà H có ký tên vào các văn bản chuyển nhượng QSDĐ với người bán đất là ông Trần Mạnh H0 và bà Lò Thị T, sau đó bà H cũng làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ tại Ủy ban nhân dân thành phố Đ theo đúng trình tự nên đến ngày 10/7/2017, bà H được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp GCNQSĐ số: CH37996 đối với thửa đất số 125, tờ bản đồ số 28, diện tích 165m^2 tại địa chỉ: tổ Y, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Sau khi được cấp Giấy CNQSDĐ, ông Bùi Quang H giữ hộ bà H. Quá trình xây nhà, ông H là người trực tiếp liên hệ với tổ thợ, cũng là người trông coi và giám sát tổ thợ, việc cắm cọc đổ bê tông ông H đều có mặt và chỉ đạo tổ thợ, hai mẹ con bà H chỉ chạy qua, chạy lại, mọi vấn đề ông H đã hứa đứng ra giúp mẹ con bà H nên bà H không can thiệp. Cảnh chồng mất sớm, hai mẹ con phải nương tựa nhau, nay có ông H đứng ra mua đất, xây nhà nên bà H không có thắc mắc gì. Đến năm 2019 xây nhà xong, bà H cùng con gái chuyển về ở. Được một thời gian thì ông H nói với bà H cho mượn một phòng nghỉ ngơi, tiện cho việc nuôi ong liền kề bên cạnh. Trước đó, ông H ở nhà riêng xây 03 tầng tại địa chỉ: tổ Z, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Quá trình sống chung, hai bên có lời qua tiếng lại, xích mích với nhau nên ông H đuổi cả hai mẹ con bà H ra khỏi nhà và tuyên bố không cho nhà, đất nữa, khi nào bà H nghe lời ông H, chăm chỉ làm ăn mới giao lại nhà, đất cho bà. Vì vậy, mẹ con bà H phải đi thuê nhà ở, bà

H đã nhiều lần đến đòi lại nhà đất và thông báo thời gian bàn giao lại nhà, đất nhưng ông H không hợp tác. Nay bà H khởi kiện, buộc ông H phải trả lại nhà, đất cho bà H.

2. Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Quang H trình bày:

Ông H là anh trai của bà H. Do thương hoàn cảnh em gái có chồng mất sớm, một mình nuôi con, không có nơi ở cố định nên vào năm 2017, ông có nói cho bà H số tiền 300.000.000 đồng để mua đất và xây nhà, việc này bà con hàng xóm cũng biết. Khi tuyên bố cho bà H 300.000.000 đồng ông H cũng đã nói rõ là ông chỉ cho tiền để mua đất, xây nhà với điều kiện bà H phải chịu khó làm ăn và bà H nhất trí. Ông H là người trực tiếp tìm đất, trả tiền mua đất và cũng là người chở bà H đến Văn phòng Công chứng ký thủ tục chuyển nhượng. Giấy CNQSDĐ mang tên bà Bùi Thị H nhưng sợ bà H không giữ được Giấy CNQSDĐ nên ông H giữ hộ. Sau khi làm xong Giấy CNQSDĐ thì xây nhà, đến năm 2019 hai mẹ con bà H chuyển vào ở. Bản thân ông H có một ngôi nhà 3 tầng ở tại địa chỉ: tổ Z, phường T, thành phố Đ nhưng do ông có thửa đất liền kề với nhà bà H đang nuôi ong nên ông có đề nghị bà H cho ở nhờ. Tuy nhiên, quá trình chung sống ông H thấy bà H vi phạm điều kiện tặng cho đất, không chịu khó làm ăn và còn hỗn láo với ông H, chị T là con gái bà H thì hư hỏng, đi sớm về khuya nên đã đòi lại nhà, đất và không cho mẹ con bà H ở nữa.

3. Ý kiến của chị Dương Thị Thanh T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị T nhất trí với lời trình bày của mẹ chị là bà Bùi Thị H. Vào năm 2017, chị có nghe thấy ông H nói cho bà H 300.000.000 đồng để mua đất, xây nhà. Hiện giấy CNNQSDĐ mang tên bà Bùi Thị H, còn ngôi nhà là do ông H trông coi tổ thợ để xây. Đến khi xây xong, hai mẹ con chị chuyển đến nhà mới ở tại địa chỉ tổ Y, phường H ở được một thời gian thì do ông H nuôi ong ở thửa đất liền kề có nói với bà H cho ở nhờ để thuận tiện nuôi ong. Quá trình sống chung, do không hợp tính nên bà H và ông H cãi nhau, ông H đã mắng chửi và đuổi bà H, chị T ra khỏi nhà. Nay bà H khởi kiện đòi lại nhà, đất chị T nhất trí và đề nghị Tòa án buộc ông H trả lại nhà, đất cho bà H.

4. Ý kiến của các bà Hà Thị G, Vũ Thị H, Đoàn Thị T cư trú tại tổ M, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là phường Đ, tỉnh Điện Biên):

Các bà G, H1, T là hàng xóm lâu năm với bố mẹ bà H, ông H. Các bà đều nghe thấy ông H nói cho bà H số tiền 300.000.000 đồng để mua đất và xây nhà. Bà H là người đứng tên trên Giấy CNQSDĐ nên nhà đất là của bà H. Việc ông H xin ở nhờ để nuôi ong được một thời gian thì chiếm dụng và đuổi hai mẹ con bà H đi là không đúng. Phố, phường cũng đến phân tích, hòa giải nhưng ông H không nghe, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số: 04/2025/DS-ST, ngày 11/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Điều 115, khoản 2 Điều 164, khoản 1 Điều 166, Điều 503 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 188 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi lại nhà, đất cho ở nhờ của nguyên đơn bà Bùi Thị H: buộc ông Bùi Quang H phải trả lại nhà, đất cho bà Bùi Thị H là thửa đất số 125, tờ bản đồ 28, tại địa chỉ: tổ Y, phường H, thành phố Đ (nay là phường Đ), tỉnh Điện Biên; trên đất có 01 nhà cấp bốn và các công trình khác theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/4/2024 và Sơ đồ hiện trạng thửa đất đang tranh chấp do Trung tâm K thực hiện ngày 30/7/2024. Trường hợp bị đơn không trả nhà, đất thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc bị đơn ra khỏi nhà, đất của nguyên đơn.

2. Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

- Ông Bùi Quang H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Hchưa nộp số tiền trên.

- Trả lại cho bà Bùi Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000026 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Ông Bùi Quang H phải chịu tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 7.424.000 đồng. Bà Bùi Thị H đã nộp tạm ứng số tiền này nên buộc ông Bùi Quang H phải trả lại cho bà Bùi Thị H số tiền 7.424.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/7/2025, ông Bùi Quang H nộp đơn kháng cáo đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H vắng mặt, trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 02/02/2026, ông H công nhận vào năm 2017, ông tự nguyện cho bà H số tiền 300.000.000 đồng để mua đất, làm nhà ở; số tiền này không phải là tiền bán đất di sản thừa kế của bố mẹ để lại cho anh, em trong gia đình mà là tiền ông H tự nguyện trích từ tiền bán nhà, đất của ông H ra cho bà H. Ông H là người trực tiếp chở bà H đi làm thủ tục tặng cho QSDĐ đất tại Văn phòng Công chứng X và nhờ Văn phòng Công chứng thực hiện các thủ tục đăng ký kê khai xin cấp Giấy CNQSDĐ cho bà H.

Sau khi hoàn thành xong thủ tục kê khai xin cấp GCNQSDĐ, thì thực hiện xây nhà cho bà H.

Trong quá trình mua đất, làm nhà bà H chỉ bỏ tiền ra để sơn nhà, lát nền, trả công thợ...việc tặng nhà đất cho mẹ con bà H có điều kiện là hai mẹ con bà H phải tu trí và chăm chỉ làm ăn. Tuy nhiên, sau khi ở chung, mẹ con bà H không tạo được lòng tin đối với ông H và bà H còn khởi kiện ông H tại Tòa án. Do đó, ông H đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nếu bà H muốn lấy lại quyền quản lý, sử dụng nhà, đất thì bà H phải trả cho ông H số tiền 300.000.000 đồng mà ông đã bỏ ra mua đất, mua vật liệu xây dựng và phần diện tích nhà bà H xây lấn sang đất nhà ông H.

Phía nguyên đơn trình bày: ông H là anh cả trong gia đình, khi ông H lấy vợ thì ở chung với bố mẹ, sau khi mẹ mất ông H đã xây nhà bên cạnh nhà của bố mẹ và ra ở riêng, việc ông H làm nhà bố ông H và các em đều biết nhưng không ai có ý kiến. Ông H sinh sống trên nhà đất không có tranh chấp; khi bố chết và ông H đi chấp hành án, anh H1 và em H2 đã bán phần đất có nhà của bố mẹ, sau đó chia cho bà H, em H3 mỗi người một ít tiền. Đến năm 2016, ông H bán ngôi nhà ông H làm gắn liền với phần diện tích đất thổ cư và cả một phần đất vườn đồi phía sau. Một thời gian sau, ông H tuyên bố cho bà H 300.000.000 đồng để mua đất, làm nhà; ông H là người trực tiếp đi tìm đất, thỏa thuận giá chuyển nhượng với ông Trần Mạnh H0 và là người thanh toán số tiền mua 495m^2 đất tại địa chỉ: tổ Y, phường H, thành phố Đ. Quá trình giao kết hợp đồng chuyển nhượng, ông H đã đề nghị chia tách 495m^2 đất thành 02 hợp đồng, trong đó chuyển nhượng sang tên bà Bùi Thị H 165m^2 và chuyển nhượng sang tên ông Bùi Quang H 330m^2. Ông H là người chở bà H ra Văn phòng Công chứng X để ký tên vào Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ, nộp thủ tục đăng ký biến động và kê khai hồ sơ cấp GCNQSDĐ. Sau đó, ông H trực tiếp giúp bà H xây nhà trên đất, ông H là người thiết kế nhà, tìm thợ, trả tiền mua vật liệu xây nhà. Khi cân đối đã tiêu hết số tiền 300.000.000 đồng cho bà H thì ông H để bà H trả tiền công thợ, tiền lát nền và tiền sơn nhà. Đến đầu năm 2019 thì mẹ con bà H dọn về ở nhà mới, ông H cũng hỏi mượn 01 phòng và dọn đến ở luôn để tiện nuôi ong. Đến năm 2021, giữa ông H và bà H nảy sinh khúc mắc, mâu thuẫn, ông H cho rằng bà H hỗn láo, không chịu khó làm ăn, vi phạm điều kiện tặng cho nhà, đất nên ông H đòi lại nhà, đất không cho bà H nữa. Nguyên đơn khẳng định việc tặng cho tiền để mua đất, làm nhà không có điều kiện và đã thực hiện xong, bà H đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông H.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa phúc thẩm: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự bác kháng cáo của ông Bùi Quang H, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 11/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên.

XÉT THẤY:

1. Về tố tụng:

Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ nay là Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Bùi Quang Hùng kháng cáo trong hạn luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

2. Về nội dung: xét nội dung kháng cáo của Bùi Quang H thấy rằng:

[2.1] Căn cứ vào lời trình bày của ông H, bà H trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu trong hồ sơ thấy rằng: việc ông H cho bà H 300.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Ông H cũng đã xác nhận việc cho bà H 300.000.000 đồng thông qua việc trả tiền mua 165m^2 đất ở tại địa chỉ: tổ Y, phường H và tiền mua vật liệu xây nhà cho bà H. Việc ông H để bà H đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, chịu trách nhiệm trả tiền công thợ, tiền lát nền, tiền sơn nhà và việc hỏi bà H mượn lại 01 phòng ở cho tiện sinh hoạt đã thể hiện ý chí của ông H công nhận nhà, đất là tài sản của bà H. Ông H cho rằng bà H hỗn láo, không chịu khó làm ăn, vi phạm điều kiện tặng cho nhà, đất nên ông H đòi lại nhà, đất không cho bà H nữa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông H không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh được việc ông H cho bà H 300.000.000 đồng để mua đất, xây nhà là có điều kiện như ông H đã trình bày.

Căn cứ theo quy định tại Điều 503 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 188 của Luật đất đai năm 2013 có cơ sở xác định thửa đất số 125, tờ bản đồ số 28 tại địa chỉ: tổ Y, phường H và ngôi nhà xây trên đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Bùi Thị H; vì vậy bà H có toàn quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt.

[2.2] Xét thấy, trong khi ông H đang ở trên nhà, đất của bà H và khóa cửa không ở ngôi nhà xây 3 tầng trên thửa đất tại địa chỉ: tổ dân phố Z, phường Đ, tỉnh Điện Biện thuộc quyền sở hữu của ông H thì mẹ con bà H phải đi thuê nhà ở nên yêu cầu của bà H đòi lại nhà, đất cho ông H ở nhờ là hoàn toàn chính đáng, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ theo quy định tại Điều 115, khoản 2 Điều 164 và khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ đối với nhà, đất đang tranh chấp do Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện, ông H và bà Hoàng Thị H4 không tranh chấp về mốc giới, diện tích, chỉ bà Đỗ Thị H5 không nhất trí với mốc giới ông H và bà H chỉ. Kết quả đo vẽ xác định diện tích đất bà H đang sử dụng là 170,2m^2 nhưng bà H5 và ông H không yêu cầu Toà án cấp sơ thẩm giải quyết tranh chấp về mốc giới, diện tích trong vụ án này (BL 92- 99, 108). Xét thấy, phạm vi khởi kiện là đòi lại nhà, đất cho ở nhờ. Giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông H yêu cầu giải quyết tranh chấp đối với phần diện tích nhà bà H xây lấn sang đất của ông H (khoảng 5m^2) là vượt quá phạm vi giải quyết của vụ án nên HĐXX không xem xét. Ông H, bà H5 có quyền yêu cầu Toà án giải quyết tranh chấp đất đai bằng vụ án độc lập và phải đảm bảo thủ tục hoà giải tại cơ sở.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, HĐXX phúc thẩm thấy rằng nội dung kháng cáo của ông Bùi Quang H không có căn cứ để chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên buộc ông H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và mục II.2.1 phần A thuộc Danh mục án phí lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016);

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Bùi Quang H; giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2025/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Điện Biên.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: áp dụng khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án:

Ông Bùi Quang H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên theo biên lai số 00000AB ngày 30/7/2025; ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (03/02/2026).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND Khu vực X - Điện Biên;
- T.H.A DS tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng